

GIỚI THIỆU CƠ BẢN PHP

A – Lý Thuyết

1 – Giới thiệu PHP

PHP là ngôn ngữ dùng để thiết kế các trang web động. Tên đầy đủ của PHP là "Personal Home Page Tools"

được thiết kế năm 1994 bởi Rasmus Lerdorf.

Giữa năm 1997: Hai sinh viên Andi Gutmans và Zeev Suraski biên soạn lại bộ biên dịch của PHP và một số PHP modules phổ biến.

Hiện nay PHP được cung cấp tại www.php.net, được sử dụng phổ biến ở hàng triệu Web sites với các ưu điểm sau:

- Tốc độ xử lý nhanh.
- Nguồn mở (miễn phí) dùng được trên nhiều hệ thống.
- Ổn định, bảo mật tốt..v.v...

Kết nối được hầu hết các CSDL.

2 – Lịch sử PHP

- Ra đời năm 1994 - 1995 do Rasmus Lerdorf phát triển.
- Phiên bản thứ hai PHP/FI (1%)
- 1997:Phiên bản PHP3 của Zeev Suraski và Andi Gutmans (10%) – 1998/6 chính thức công bố.
- Mùa đông 1998, PHP4 của Zend →
Zend Engine,
Phiên bản cuối cùng: (PHP4.4.1)
- PHP5 (PHP5.1.3) – 05/2006
- PHP5 (PHP 5.2.4) – 10/2007

3 – Cấu trúc trang HTML với PHP

```
<html>
<head>
    <title>TRUNG TAM DAO TAO MANG MAY TINH NHAT NGHE </title>
</head>
<body>
<?php echo "105 ba Huyen Thanh QUan " ?><br \>
</body>
</html>
```

Đoạn Code PHP nằm giữa cặp thẻ **<?php** .. Và .. **?>** (Xử dụng phổ biến)

hoặc có thể : `<? ?>`

hoặc có thể : `<script language="php"> ... </script>`

hoặc có thể : `<% %>`

Mỗi lệnh của PHP phải được kết thúc bằng dấu **chấm phẩy ;**

Ví dụ:

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">

<p align="right" class="txt24bb_white">Nhúng mã PHP vào HTML</p></td>

<p><?php print "TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ"; ?></p>

<p class="txt16b_blue"><?php print "TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ"; ?></p>

" hspace="0" vspace="0">

<p><script language="php"> print "TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ"; </script></p>
```

Kết quả

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MẠNG MÁY TÍNH NHẤT NGHỆ

4 – Chú thích trong PHP

`<?php`

Chú thích ngay trên dòng hoặc nhiều dòng

`//comment` (Giống C/C++)

`# comment`

Chú thích trên một dòng hoặc nhiều dòng riêng lẻ.

`/*`

nhiều dòng code ở đây...

`*/`

`?>`

Ví dụ

```
<?php

# Đây là comment
// Đây cũng là comment

/*
Đây là 1 khối comment
Khối này bao nhiêu dòng cũng được
Khối này phải đặt trong cặp thẻ /* */

*/

$value = 2000.1212;
$name = "Nhất Nghệ";
$x = 10; $y = 22; $z = $x + $y;

$result = ((10 + 22) * 4) / (y + 1);

$i++;
$i--;

$i = $i + 1;
$i = $i - 1;

$str = "Hello"." "."World!";
$fname = "Khoa";
$lname = "Pham";
$name = $fname." ".$lname;

if ($x > 5) {
    print("Số này lớn quá!<BR>Lý do:$x > 5");
}

// tạo các biến là hằng số
define ( "UPPER_LIMIT" , 1000 );
define ( "MIN" , 3 );
define ( "SERVERNAME" , "www.nhatnghe.dom" )

?>
```

5 – Biến trong PHP

Biến là tên của vùng nhớ dùng để lưu trữ dữ liệu khi chương trình hoạt động.

Tên biến phải bắt đầu bằng **\$** và tiếp theo sau có thể là một chữ cái hoặc một dấu **gạch chân**. **"_"**. Các ký tự còn lại cũng có thể chỉ gồm các chữ cái, chữ số hoặc gạch chân nhưng không có khoảng trắng ở giữa.

PHP không yêu cầu phải khai báo biến và kiểu dữ liệu trước khi sử dụng.

Do đó nên gán giá trị khởi đầu cho biến vừa mới được khai báo.
Tên Biến có phân biệt chữ in chữ thường.

*Biến chứa những loại dữ liệu: **Strings, Arrays, Integers, Floating-pointer Numbers, and Objects.***

Float dùng cho giá trị thực có độ lớn tối đa khoảng 1.8E308 với độ chính xác tới 14 chữ số lẻ.

Ví dụ:

```
<?php

$age = 23;
$price = 18.5;
$isReady = TRUE;
$name = "Nhat Nghe";
$fname = "Khoa";
$lname = "Pham";

$name = $fname . " " . $lname;

$day = "Thứ năm";
$var = "22";
$$var = "Thứ sáu";
print $$var;
print $day;

unset($age);

?>
```

Kết quả:

Giá trị của biến `$name` là: `$name = Khoa Pham`
Trang web có giá tiền là: `$price = 18.5`
Bạn bao nhiêu tuổi? `$age =`
Biến `$age` có tên tại không? `isset($age) =`
Giá trị của biến `$isReady` là? `$isReady = 1`

6- Câu lệnh echo

```
<?php
    echo "<B>Trung tâm đào tạo mạng máy tính Nhất Nghệ</B><br><br>";

    echo "Lập trình PHP căn bản!<BR><BR>";

    echo "Dòng số 1.
    Dòng số 2.
    Nhưng khi hiện ra browser, 3 dòng này dính nhau!";

    echo "<BR><BR><BR>";

    echo "Do đó<BR>
    Nếu muốn xuống hàng, bạn phải thêm thẻ BR<BR>
    Hoặc bất kì thẻ html nào định dạng cho text!<BR>";

    // Bạn có thể dùng biến bên trong mã php
    $wdn = "Web doanh nghiệp!<BR>";
    $joomla = "Joomla 1.5!<BR><BR>";

    echo "wdn là $wdn"; // foo is $foo
    echo "joomla là $joomla"; // hello is $hello

    // Dấu nháy đơn bao chuỗi!
    // Do đó nó sẽ in tên biến, không phải giá trị của nó!
    echo 'wdn là $wdn'; // hello is $hello

    // Bạn có thể dùng dấu , để phân biệt các biến với nhau!
    echo $foo, $hello;

?>
```

Kết quả

Trung tâm đào tạo mạng máy tính Nhất Nghệ

Lập trình PHP căn bản!

Dòng số 1. Dòng số 2. Nhưng khi hiện ra browser, 3 dòng này dính nhau!

Do đó
Nếu muốn xuống hàng, bạn phải thêm thẻ BR
Hoặc bất kì thẻ html nào định dạng cho text!
wdn là Web doanh nghiệp!
joomla là Joomla 1.5!

wdn là \$wdn

7 – Basic Data Type – Kiểu dữ liệu cơ bản

4 kiểu định lượng: Boolean, Integer, Float, String

2 kiểu tổ hợp: Array và Object

```
<?php
$str = "Trung tâm đào tạo mạng máy tính Nhất Nghệ"; // chuỗi
$int = 22; // số nguyên
$bool = TRUE; // boolean
$float = 1.234; // float
$float2 = 3.1415927;
$float3 = 5.3e7;

echo gettype($str), " <BR>"; // in ra loại của biến $str
echo gettype($int), " <BR>"; // in ra loại của biến $int
echo gettype($float), " <BR>"; // in ra loại của biến $float
echo gettype($bool), " <BR><BR>"; // in ra loại của biến $bool

echo "<font color=red>".$str."</font><br>";

// If this is an integer, increment it by four
echo "Số nguyên INT có giá trị là $int. <BR>";
if (is_int($int)) {
    $int += 17;
    echo "Bây giờ số nguyên INT có giá trị là $int. <BR>";
}

// Nếu $bool là 1 chuỗi, thì in nó ra
if (is_string($bool)) {
    echo "Đây là 1 chuỗi: $bool <BR>";
}

echo "Giá trị của số bool là:", $bool, "<BR>";
echo "Giá trị của float là: $float. <BR>";
echo "Giá trị của float2 là: $float2. <BR>";
echo "Giá trị của float3 là: $float3. <BR>";

?>
```

string
integer
double
boolean

Trung tâm đào tạo mạng máy tính Nhất Nghệ
Số nguyên INT có giá trị là 22.
Bây giờ số nguyên INT có giá trị là 39.
Giá trị của số bool là:1
Giá trị của float là: 1.234.
Giá trị của float2 là: 3.1415927.
Giá trị của float3 là: 5.3E+7.

8– Hằng số (Constant)

Hằng số là vùng nhớ chứa giá trị không đổi trong PHP. Quy tắc đặt tên hằng số cũng giống như quy tắc đặt tên biến, nhưng không cần dấu \$ đi trước và thường sử dụng chữ in.

Khi khai báo một hằng số phải gán giá trị của hằng ngay tức thì.

Cách khai báo hằng như sau:

```
define("ten_hang_so","gia_tri_hang_so");
```

Ví dụ:

```
<?php  
    define( "CMS", "Joomla");  
    define("VERSION", 1.6);  
?>
```

9 – isset(), empty() và unset()

```

tạo các biến sau:</span><br>
($foo, $foo2, $int, $bool) <br>
<?php
    $foo = "Joomla";
    $foo2 = "PHP căn bản";
    $int = 23;
    $bool = TRUE;
?>
<br>
<span class="txt16b_blue">Biến có được tạo chưa? isset()</span><br>
<?php
    if (isset($foo)) echo "\$foo đã được tạo!!<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$foo) là:", isset($foo), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$foo2) là:", isset($foo2), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$int) là:", isset($int), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$bool) là:", isset($bool), "<BR><BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$bool2) là:", isset($bool2), "<BR>";
?>
<br>
<span class="txt16b_blue">Biến có bị rỗng hay không? empty()</span><br>
<?php
    echo "Giá trị của hàm empty(\$foo) là:", empty($foo), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm empty(\$hello) là:", empty($hello), "<BR>";
?>
<br>
<span class="txt16b_blue">Xóa giá trị các biến sau:</span><br>
(Xóa $foo, $int, $bool) <br>
<?php
    unset($foo);
    unset($int);
    unset($bool); ?>
<br>
<span class="txt16b_blue">Kiểm tra xem biến có giá trị hay rỗng? </span><br>
<?php
    if (isset($foo)) echo "\$foo đã được tạo!!<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$foo) là:", isset($foo), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$foo2) là:", isset($foo2), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$int) là:", isset($int), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm isset(\$bool) là:", isset($bool), "<BR><BR>";
    echo "Giá trị của hàm empty(\$foo) là:", empty($foo), "<BR>";
    echo "Giá trị của hàm empty(\$foo2) là:", empty($foo2), "<BR>";
?>

```


Lưu ý: FLASE sẽ không hiển thị ra màn hình!!

Tạo các biến sau:

(\$foo, \$foo2, \$int, \$bool)

Biến có được tạo chưa? isset()

\$foo đã được tạo!!

Giá trị của hàm isset(\$foo) là:1

Giá trị của hàm isset(\$foo2) là:1

Giá trị của hàm isset(\$int) là:1

Giá trị của hàm isset(\$bool) là:1

Giá trị của hàm isset(\$bool2) là:

Biến có bị rỗng hay không? empty()

Giá trị của hàm empty(\$foo) là:

Giá trị của hàm empty(\$hello) là:1

Xóa giá trị các biến sau:

(Xóa \$foo, \$int, \$bool)

Kiểm tra xem biến có giá trị hay rỗng?

Giá trị của hàm isset(\$foo) là:

Giá trị của hàm isset(\$foo2) là:1

Giá trị của hàm isset(\$int) là:

Giá trị của hàm isset(\$bool) là:

Giá trị của hàm empty(\$foo) là:1

Giá trị của hàm empty(\$foo2) là:

10 – Null và is_null()

Tạo 1 số biến sau có giá trị NULL:

(\$foo, \$foo2, \$foo3)

<?php

```
$foo = NULL;
$foo2 = NULL;
$foo3 = NULL;
$foo4 = "Hello!";
```

?>

Kiểm tra biến có NULL không (\$foo4 không phải NULL)

<?php

```
if (is_null($foo)) echo "\$foo : NULL!!<BR>";
if (is_null($foo2)) echo "\$foo2 : NULL!!<BR>";
echo "Giá trị của isset(\$foo3) là:",isset($foo3), "<BR>";
echo "Giá trị của isset(\$foo4) là:",isset($foo4), "<BR><BR>";
echo "Giá trị của is_null(\$foo3) là:",is_null($foo3), "<BR>";
echo "Giá trị của is_null(\$foo4) là:",is_null($foo4), "<BR><BR>";
if (is_null($foo4)) echo "\$foo4 : NULL!!<BR>";
```

?>

Gán lại giá trị cho các biến sau:

(\$foo2, \$foo3, \$foo4)

<?php

```
$foo2 = "Test!";
$foo3 = NULL;
$foo4 = "NULL!";
```

?>

Kết quả như sau:

(see source code)

<?php

```
if (is_null($foo)) echo "\$foo : NULL!!<BR>";
if (is_null($foo2)) echo "\$foo2 : NULL!!<BR>";
echo "Giá trị của isset(\$foo3) là:",isset($foo3), "<BR>";
echo "Giá trị của isset(\$foo4) là:",isset($foo4), "<BR><BR>";
echo "Giá trị của is_null(\$foo3) là:",is_null($foo3), "<BR>";
echo "Giá trị của is_null(\$foo4) là:",is_null($foo4), "<BR><BR>";
if (is_null($foo4)) echo "\$foo4 : NULL!!<BR>";
```

?>

Kết quả:

Giá trị FALSE sẽ không hiển thị ra màn hình!!

Tạo 1 số biến sau có giá trị NULL:
(\$foo, \$foo2, \$foo3)

Kiểm tra biến có NULL không (\$foo4 không phải NULL)

\$foo : NULL!!

\$foo2 : NULL!!

Giá trị của isset(\$foo3) là:

Giá trị của isset(\$foo4) là:1

Giá trị của is_null(\$foo3) là:1

Giá trị của is_null(\$foo4) là:

Gán lại giá trị cho các biến sau:
(\$foo2, \$foo3, \$foo4)

Kết quả như sau:
(see source code)

\$foo : NULL!!

Giá trị của isset(\$foo3) là:

Giá trị của isset(\$foo4) là:1

Giá trị của is_null(\$foo3) là:1

Giá trị của is_null(\$foo4) là:

11 – Các phép toán và phép gán trong PHP

A – Các phép toán:

+ Cộng	Or
- Trừ	^ Xor
* Nhân	. Nối chuỗi(like in perl)
/ Chia, % Chia lấy dư	<< Shift left
& Và	>> Shift right

B – Các phép toán so sánh:

$\$a = \b Phép so sánh bằng - True nếu giá trị \$a\$ bằng giá trị \$b\$.

$\$a == \b Phép so sánh đồng dạng - True nếu giá trị \$a\$ bằng giá trị \$b\$, và chúng cùng kiểu dữ liệu.

$\$a != \b Không bằng - True nếu giá trị \$a\$ không bằng giá trị \$b\$

$\$a !== \b Không đồng dạng - True nếu giá trị \$a\$ không bằng giá trị \$b\$, hoặc chúng không cùng kiểu dữ liệu.

$\$a < \b Nhỏ hơn - True nếu giá trị \$a\$ nhỏ hơn giá trị \$b\$

$\$a > \b Lớn hơn - True nếu giá trị \$a\$ lớn hơn giá trị \$b\$

$\$a <= \b Nhỏ hơn hoặc bằng - True nếu giá trị \$a\$ nhỏ hơn hoặc bằng giá trị \$b\$.

$\$a >= \b Lớn hơn hoặc bằng - True nếu giá trị \$a\$ lớn hơn hoặc bằng giá trị \$b\$.

Toán tử ? Tương tự như trong C/C++:

```
<?
echo ($x==0) ? "X value is zero" : "X value is not zero";
?>
```

12 – Các toán tử Logic

Toán tử	Phép toán	Ví dụ	Kết quả
And	And (và)	\$a and \$b	True nếu cả \$a và \$b đều true
Or	Or (hoặc)	\$a or \$b	True nếu hoặc \$a hoặc \$b đều true
Xor	Xor	\$a xor \$b	True nếu \$a hoặc \$b là true, nhưng cả hai không được cùng true
!	Not (Phủ định)	! \$a	True nếu \$a không phải là true
&&	And	\$a && \$b	True nếu cả hai \$a và \$b đều là true
	Or	\$a \$b	True nếu hoặc \$a hoặc \$b là true

B – Bài tập:

Bài 1 – Dùng câu lệnh php, phát sinh ra table có các thuộc tính sau:

a – 5 hàng, 3 cột

b – Chiều rộng: 500 px, canh giữa màn hình

c – Hàng 1 ô 1: nền đỏ

d – Hàng 1 ô 2: nền vàng

e – Hàng 1 ô 3: nền xanh

Bài 2 – Tạo các biến sau:

\$a = 12, \$b = 3

In ra màn hình tất cả các phép toán giữa 2 biến này (xem lý thuyết phần 9,10)